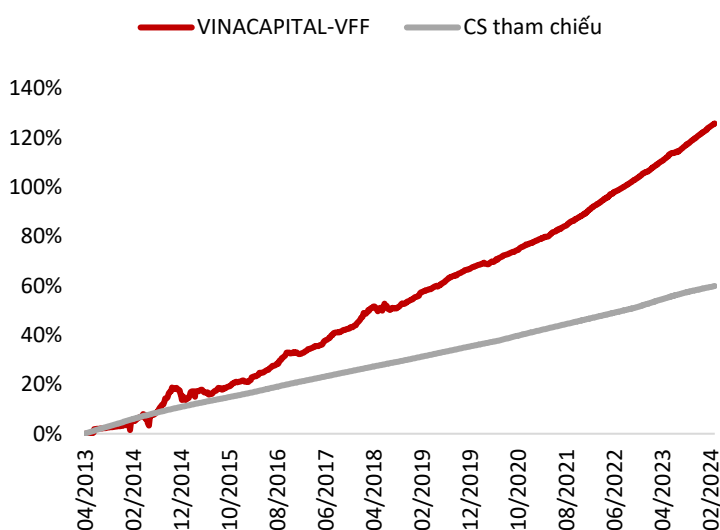


VINACAPITAL-VFF Chiến lược đầu tư

- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.
- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.
- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

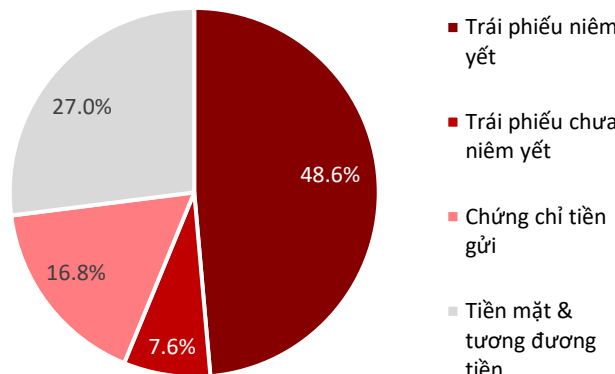
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,093.7	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	22,595.7	
Lợi nhuận tháng 02/2024 (%)	0.6	0.4
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	1.3	0.8
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	8.0	5.6
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.8	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	126.0	59.9

* CSTC: Chỉ số tham chiếu
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



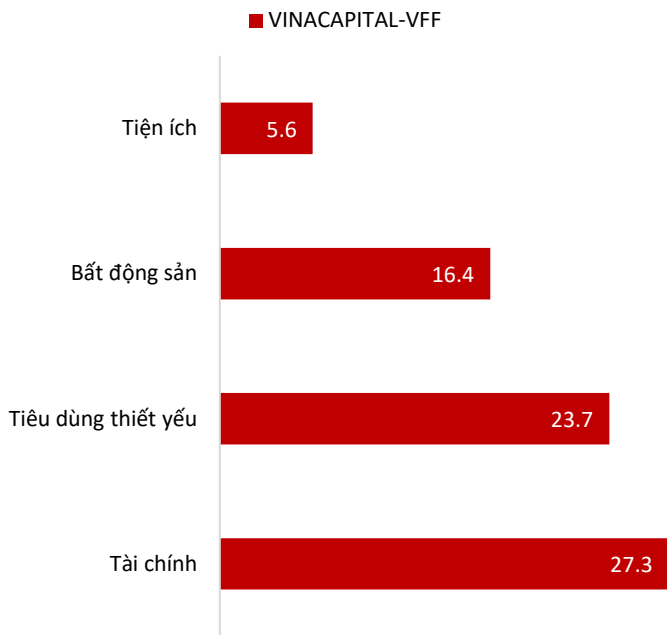
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	0.8
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7.3

Phân bố theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
VND	CTCP Chứng khoán VNDirect	9.6	8.0	0.0
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	9.1	9.1	3.3
TN1	CTCP TNS Holdings	8.8	7.4	0.8
MML	CTCP Masan Meatlife	8.5	8.4	2.2
GEG	CTCP Điện Gia Lai	5.6	11.1	0.6

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Để loại bỏ ảnh hưởng Tết theo mùa so với cùng kỳ năm trước, chúng tôi xem xét dữ liệu kinh tế hai tháng đầu năm, và thấy rằng sự phục hồi của xuất khẩu bắt đầu vào cuối năm ngoái vẫn tiếp tục có đà. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO), xuất khẩu tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái trong 2 tháng đầu năm 2024, nhờ xuất khẩu máy tính và điện tử tăng 34% so với cùng kỳ năm ngoái và do xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng 34% (so với mức giảm 21% cùng kỳ năm ngoái).

Tăng trưởng xuất khẩu cũng vượt xa mức tăng 5,9% so với cùng kỳ của sản lượng sản xuất trong nước trong 2T24. Theo khảo sát PMI của Việt Nam, việc tồn kho thành phẩm của các nhà sản xuất giảm trong cả tháng 1 và tháng 2 cho thấy các công ty này đã xuất khẩu nhiều sản phẩm hơn mức sản xuất ra trong hai tháng đầu năm nay. Một chỉ số mang tính dẫn dắt cho thấy sự tích cực là việc các nhà máy ở Việt Nam đã quay lại tuyển dụng công nhân vào tháng 2 sau khi tạm dừng tuyển dụng vài tháng liên tiếp. Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng trong tháng 2, cùng với việc tiếp tục mở rộng việc làm đã giúp nâng chỉ số PMI của Việt Nam từ 50,3 trong tháng 1 lên 50,4 trong tháng 2.

Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng tốc độ tăng trưởng sản xuất của Việt Nam sẽ phục nhẹ lên mức tăng trưởng 8% trong năm nay (so với mức tăng trưởng trung bình 12% trước giai đoạn dịch Covid), đây là cơ sở để chúng tôi kỳ vọng GDP sẽ tăng 6-6,5% trong năm nay. Tình hình kiệt làm tại các nhà máy hiện đã phục hồi sau đợt sa thải vào đầu năm 2023, điều này sẽ phần nào hỗ trợ tiêu dùng trong nước, mặc dù doanh số bán lẻ thực tế (tức là không bao gồm lạm phát) chỉ tăng 5% trong 2 tháng đầu năm 2024.

Lạm phát tăng từ 3,4% yoy trong tháng 1 lên 4% yoy trong tháng 2, do giá thực phẩm tăng 1,7% so với tháng trước trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán vào tháng 2. Lạm phát giá thực phẩm tăng từ 2,3% yoy trong tháng 1 lên 4,2% yoy trong tháng 2.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng lượng phát hành trong tháng 2/2024 là 2,17 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Trong đó, lĩnh vực dịch vụ tài chính phi ngân hàng chiếm 46,2% tổng giá trị phát hành, lợi suất bình quân 10,5% và kỳ hạn bình quân 5 năm. Tiếp theo là lĩnh vực xây dựng chiếm 25,4% tổng giá trị phát hành, lợi suất bình quân 10,1% và kỳ hạn bình quân 9,75 năm. Tính chung 2 tháng đầu năm, tổng phát hành đạt 9,78 nghìn tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với cùng kỳ.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%											1.3%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.